**TUẦN 31:** **CHỦ ĐỀ 12: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA PHÂN SỐ**

  **Bài 63: PHÉP NHÂN PHÂN SỐ (4 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Thực hiện được phép nhân phân số bao gồm: nhân phân số với phân số, nhân phân số với số tự nhiên và nhân số tự nhiên với phân số

- Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân phân số.

- Giải được một số bài toán thực tế liên quan đến phép nhân phân số.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm. Trao đổi trong các bài toán thực tế.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

Ngày dạy: 15/4/2024

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** |
| - GV tổ chức múa hát khởi động- Thực hiện các yêu cầu + Câu 1: tính $\frac{2 }{3} × \frac{3}{5}$ ; $\frac{1 }{6} × \frac{2}{7}$+ Câu 2: Muốn nhân hai phân số ta làm thế nào?- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia múa hát+ Trả lời:Câu 1: hs làm vào nháp$\frac{2 }{3} × \frac{3}{5}$ = $\frac{6}{15}$ = $\frac{2}{5}$ $\frac{1 }{6} × \frac{2}{7}$ = $\frac{2}{42}$ = $\frac{1}{21}$- HS nêu miệng: Muốn nhân hai phân số, ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**- Mục tiêu: - Thực hiện được phép nhân phân số bao gồm: nhân phân số với phân số, nhân phân số với số tự nhiên và nhân số tự nhiên với phân số- Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân phân số.- Giải được một số bài toán thực tế liên quan đến phép nhân phân số.- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.- Vận dụng bài học vào thực tiễn.- Cách tiến hành: |
| Bài 1. Tính (theo mẫu)? (Cá nhân) - GV HD HScác nhân phân số với số tự nhiên: + Có 3 cái bánh trong hình mà mỗi cái bánh được tô màu 2 miếng, mỗi cái bánh biểu diên cho phân số $\frac{2}{5}$. Vậy 3 cái bánh ta có phép tính sau. GV HD HS cách thực hiện- YC HS thực hiện vào bẳng con các phép tínha) $\frac{9}{11} × 8$ ; $\frac{4}{5} × 2$ ; $\frac{15}{8} ×0 $🡪 **Phân số nào nhân với 0 cũng bằng 0**- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 2: Tính (Theo mẫu) (Cá nhân) -Y/C học sinh đọc yêu cầu bài- Y/C HS nhắc lại tính chất giao hoán của phép nhân.- GV đưa mẫu và hướng dẫn HS cách thực hiệna) 3 × $\frac{4}{11}$; b) 1 × $\frac{5}{4} $; c) 0 × $\frac{2}{5}$;- Gọi HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 3: Tính chu vi của hình vuông có cạnh $\frac{3}{5}$ dm- GV cho HS đọc yêu cầu bài- Gọi HS phân tích bài toán- GV HD yêu cầu học sinh làm bài vào vở nháp- GV HS trình bày.- Mời các HS khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.Bài 4. Một tài vũ trụ bay vòng quanh một thiên thể 6 vòng rồi mới đáp xuống. Nếu mỗi vòng tầu vũ trụ bay được $\frac{61}{6} $km thì nó đã bay tất cả bao nhiêu ki – lô – mét quanh thiên thể? (Cá nhân) - Gọi HS nêu yêu cầu bài- Gọi HS phân tích bài toán+ Bài toán hỏi gì?+ Bài toán cho biết gì?- GV mời 1 HS nêu cách làm:- Cả lớp làm bài vào vở: - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.- GV nhận xét tuyên dương. | - HS quan sát, lắng nghe.- HS lần lượt làm bảng con kết hợp đọc miệng các số :$\frac{9}{11} × 8= \frac{9}{11} $×$ \frac{8}{1}= \frac{72}{11};$$$ \frac{4}{5} × 2= \frac{4}{5} × \frac{2}{1}= \frac{8}{5}$$$$\frac{15}{8}×0=0$$- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- HS đọc - HS nhắc lại- HS lắng nghe, thực hiện- HS thực hiệna) 3 × $\frac{4}{11} $= $\frac{3}{1}$ × $\frac{4}{11}$ = $\frac{12}{11}$ hoặc 3 × $\frac{4}{11} $= $\frac{3 × 4}{11}$ = $\frac{12}{11}$b) 1 × $\frac{5}{4}= \frac{1}{1}$ × $\frac{5}{4}$ = $\frac{5}{4}$ hoặc 1× $\frac{5}{4}=\frac{1 × 5}{4}$ $\frac{5}{4}$ = $\frac{5}{4}$c) 0 × $\frac{2}{5}=0$- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- HS nêu yêu cầu bài- HS phân tích bài toán- HS làm bài vào vở nhápBài giải:Chu vi hình vuông là:$\frac{3}{5}$ × 4 = $\frac{12}{5}$ (dm) Đáp số: $\frac{12}{5}$ dm- HS trình bày bài- Các HS khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- HS nêu yêu cầu bài.- HS phân tích bài toán.- HS trả lời- HS làm bài tập vào vởBài giải:Tàu vũ trụ bay vòng quanh thiên thể số ki – lô - mét là:$\frac{61}{6}$ × 6 = 61(km)Đáp án: 61km- HS trình bày bài.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** |
| - Gọi HS nhắc lại nội dung bài.+ Nêu nhân phân số với 0+ Tính chất giao hoán của phép nhân- Nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu - HS lắng nghe |

**­­­­­­­­­­­­­­­­­­\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TIẾT 3. LUYỆN TẬP**

Ngày dạy: 16/4/2024

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức múa hát khởi động- Gọi HS nêu lại cách nhân phân số với 0- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia múa hát+ Trả lời:- HS nêu miệng: Phân số nào nhân với 0 cũng bằng 0 |
| **2. Luyện tập:**- Mục tiêu: - Thực hiện được phép nhân phân số bao gồm: nhân phân số với phân số, nhân phân số với số tự nhiên và nhân số tự nhiên với phân số- Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân phân số, nhân tổng hai phân số với một phân số.- Giải được một số bài toán thực tế liên quan đến phép nhân phân số.- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.- Vận dụng bài học vào thực tiễn  - Cách tiến hành: |
| Bài 1. > ; < ; = (Làm việc cá nhân) $a) \frac{2}{3} $× $\frac{4}{5}$ **?**  $\frac{4}{5} $× $\frac{2}{3}$ b) $(\frac{1}{3} $× $\frac{2}{5})× \frac{3}{4}$ **?**  $\frac{1}{3} $× $(\frac{2}{5}$ × $\frac{3}{4}$)c) ($ \frac{1}{3}+\frac{2}{5}$) × $\frac{3}{4}$ **?**  $\frac{1}{3}$ × $\frac{3}{4}$ + $\frac{2}{15}$ ×$\frac{3}{4}$- HS nêu yêu cầu bài.- Yc HS làm bài trên phiếu bài tập- Gọi HS trình bày kết quả- Gọi HS nhận xét- GV nhận xét về các tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân, cách nhân một tổng hai phân số với 1 phân số.- Gọi HS nêu ví dụ tương ứng các tính chất- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 2: Tính (Theo mẫu) (Cá nhân) a) $\frac{3}{22}$ × $\frac{3}{11}$ × 22 ; b) ($\frac{1}{3}$ + $\frac{1}{6}$) × $\frac{2}{5}$- Gọi HS nêu yêu cầu bài- HD HS có thể áp dựng tính chất giao, tính chất kết hợp, nhân một tổng hai phân số với 1 phân số và rút gọn các phân số.- Gọi HS trình bày bài làm, nêu các tính chất đã áp dụng vào phép tính.- GV nhận xét tuyên dương.Bài 3. Một bè nuôi cá tra hình chữ nhật có chiều dài $\frac{25}{2}$m, chiều rộng $\frac{19}{2}$m. Hỏi chu vi của bè cá đó là bao nhiêu mét?- Gọi HS đọc đề bài- HD HS phân tính bài toán+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- YC hs làm bài vào vở- Gọi HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 4: Số?Nhà cô Sáu có hai chuồng lợn, mỗi chuồng nuôi 4 con. Mỗi ngày, một con lợn ăn hết $\frac{1}{8}$ yến cám. Mỗi ngày các con lợn nhà cô Sáu ăn hết **?**  kg cám?- GV cho HS đọc yêu cầu bài- Gọi HS phân tích bài toán- GV HD yêu cầu học sinh làm bài vào vở nháp rồi nêu kết quả điền vào dấu **?**  .- GV HS trình bày.- Mời các HS khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.Bài 5. Đ, S ?Có ba đoạn tre A, B, C xếp như hình vẽ. Biết đoạn tre A dài 1m và có 3 đốt bằng nhau, đoạn tre C có 2 đốt dài bằng nhau. a) Đoạn tre B có độ dài bằng $\frac{2}{3}$ m. **?**  .b) Đoạn tre dài nhất có dộ dài $\frac{3}{2}$ m **?**  .- Gọi HS nêu yêu cầu bài- Gọi HS phân tích bài toán:+ Bài toán hỏi gì?+ Bài toán cho biết gì?- YC HS làm bài - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.- GV nhận xét tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu bài- HS làm bài tập trên phiếu bài tập- HS trình bày kết quả- HS quan sát, lắng nghe- HS nêu ví dụ- HS nêu yêu cầu- HS làm bài vào nháp a) $\frac{3}{22}$ × $\frac{3}{11}$ × 22 = $\frac{3 ×3}{22 × 11}$ × 22 = $\frac{9 × 22}{242}$ =$\frac{192}{242}=\frac{9}{11}$Hoặc $\frac{3}{22}$ × $\frac{3}{11}$ × 22 = $\frac{3}{22}$ × $\frac{3 ×22}{11}$ = $\frac{3}{22}$ × $\frac{66}{11}$= $\frac{3}{22}$ × 6 = $\frac{18}{22}$ = $\frac{9}{11}$b) ($\frac{1}{3}$ + $\frac{1}{6}$) × $\frac{2}{5}$ = $(\frac{2}{6}$ + $\frac{1}{6}$) × $\frac{2}{5}$ = $\frac{3}{6}$ × $\frac{2}{5}$ = $\frac{6}{30}$ = $\frac{1}{5}$- HS lắng nghe- HS đọc đề bài- HS phân tích bài toán+ Bài cho biết bể cá hình chữ nhật có chiều dài$ \frac{25}{2}$m, chiều rộng $\frac{19}{2}$m- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.+ Tính chu vi của bể cá- HS làm bài tậpBài giải:Chu vi của bể cá là:$(\frac{25}{2}$ + $\frac{19}{2}$) × 2 = 44 (m)Đáp số: 44m- HS trình bày bài làm- HS lắng nghe, thực hiện- HS thực hiện- HS làm bài tập và nêu kết quảBài giải:Mỗi ngày các con lợn nhà cô Sáu ăn hết số kg cám là:2 chuồng lượn nhà cô Sáu có số con lợn là:4 + 4 =8 (con)$\frac{1}{8}$ × 8 = $1$ (yến)Đổi $1$ yến= 10kgĐáp số: 10kg- Số cần điền là 10- HS nhận xét- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- HS nêu yêu cầu bài- HS phân tích bài toán- HS làm bài, nêu kết quảĐáp án: a) Đ ; b) S- Các HS khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - Gọi HS nhắc lại nội dung bài.- Nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu - HS lắng nghe |

**---------------------------------------------**

**TIẾT 4. LUYỆN TẬP**

Ngày dạy: 17/4/2024

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: $\frac{2}{7}$ × 0 = ?+ Câu 2: Tính $\frac{3}{5}$ × $\frac{2}{3}$ = ?+ Câu 3: điền dấu >; < ; =$\frac{1}{5}$ × $\frac{4}{7}$ **?**  .$\frac{4}{7}$ × $\frac{1}{5}$- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi- Trả lời:+Bằng 0+ $\frac{6}{15} $ + **=**  .- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**- Mục tiêu: - Thực hiện được phép nhân phân số bao gồm: nhân phân số với phân số, nhân phân số với số tự nhiên và nhân số tự nhiên với phân số- Nhận biết được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân phân số, nhân tổng hai phân số với một phân số.- Giải được một số bài toán thực tế liên quan đến phép nhân phân số.- Cách tiến hành: |
| Bài 1. Tính rồi rút gọn (Làm việc cá nhân)a) $\frac{5}{11}$ × $\frac{6}{11}$ ; b) 7 × $\frac{6}{21}$ - HS đọc yêu đề bài- GV hướng dẫn học sinh làm vào bảng con và nêu miệng - Gọi HS nêu lại cách thực hiện nhân hai phân số, số tự nhiên nhân với phân số- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện? (Nhóm 2) - GV gọi HS nêu yêu cầu bài- GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở. a) $\frac{3}{5}$ × $\frac{17}{21}$ + $\frac{2}{5}$ ×$\frac{17}{21}$b) $\frac{11}{19}$ ×$ \frac{2}{7}$ + $\frac{5}{7}$ × $\frac{11}{19}$- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- YC HS nhắc lại các tính chất đã áp dụng- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 3: Tìm phân số thích hợp? (Cá nhân) Mỗi ô đỗ xe ô tô có dạng hình chữ nhật với chiều dài $\frac{11}{2}$ m và chiều rộng $\frac{5}{2} $m,a) Diện tích mỗi ô đỗ xe đó là **?**  m2b) Tổng diện tích của 3 ô đỗ xe đó là **?**  m2 - HS đọc đề bài- GV cho HS làm cá nhân- GV gọi HS trình bày.- Mời HS khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.Bài 4. Số? (Cá nhân) Trong bữa tiệc, nhà vua chia bánh cho 8 hiệp sĩ. Mỗi hiệp sĩ được chia nửa cái bánh pi - da bò và $\frac{1}{8}$ cái bánh pi – da gà. Hỏi 8 hiệp sĩ được chia tất cả bao nhiêu cái bánh?- GV gọi HS đọc yêu cầu bài- Gọi HS nêu cách làm (có thể làm các cách giải khác nhau)- Cả lớp làm bài vào vở: - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.- Mời HS nêu cách làm khác- GV nhận xét tuyên dương.Bài 5. Tìm phân số thích hợp. (Nhóm 4)

|  |
| --- |
| Nhà vua Nguyễn Hiền tính được diện tích phần màu xanh trong hình bên. Biết diện tích hình tam giác ABC bằng diện tích hình |
| tam giác CDE và độ dài cạnh của mỗi hình vuông nhỏ là $\frac{8}{5}$ dm. Diện tích phần màu xanh là ?..  |  |

- GV gọi HS đọc yêu cầu bài- Gọi HS nhanh nêu cách làm của HS đó.- GV HD gợi ý HS làm bài- Gọi HS trình bày bài.GV nhận xét tuyên dương. | - HS lần lượt làm bảng con kết hợp nêu miệng các số còn lại:a) $\frac{5}{11}$ × $\frac{6}{11}$ = $\frac{30}{121}$ b) 7 × $\frac{6}{21}$ = $\frac{42}{21}$ = 2- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- 1 HS nêu - HS đổi vở soát nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- Các nhóm làm việc theo phân công.a) $\frac{3}{5}$ × $\frac{17}{21}$ + $\frac{2}{5}$ ×$ \frac{17}{21}$ = ( $\frac{3}{5}+ \frac{17}{21})×$ $\frac{17}{21}$ = = $\frac{5}{5}$ × $\frac{17}{21}$ = 1 × $\frac{17}{21}$ = $\frac{17}{21}$b) $\frac{11}{19}$ ×$ \frac{2}{7}$ + $\frac{5}{7}$ × $\frac{11}{19}$ = ($\frac{2}{7}$ + $\frac{5}{7}$ ) ×$\frac{11}{19}$ = $ \frac{7}{7}$ ×$ \frac{11}{19}$= 1 × $\frac{11}{19}$ = $\frac{11}{19}$- Các nhóm trình bày. -Tính chất một tổng nhân với một số câu ở câu a)- Tính chất giao hoán đối với phép nhân thứ nhất rồi mới áp dụng tính chất một tổng nhân với một số câu ở câu b)- Các nhóm khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- HS đọc đề bài- HS tính và tìm phân số thích hợp điền vào ô có dấu?a) $\frac{55}{4}$ ; b) $\frac{165}{4}$- HS nhận xét- Lắng nghe- HS nêu yêu cầu bài- HS nêu- HS làm bàiBải giải:Số bánh pi – da bò là:$\frac{1}{2}$ × 8 = 4 (cái bánh)Số bánh pi – da gà là:$\frac{1}{8}$ × 8 = 1 (cái bánh)8 hiệp sĩ được chia số bánh là:4 + 1 = 5 (cái bánh)Đáp số: 5 cái bánh- HS trình bày bài làm- HS khác nêu- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- HS đọc yêu cầu.- HS nêu- HS làm bài tập cá nhânCó thể đổi chỗ 2 hình tam giác ABC và hình tam giác EDC cho nhau để tínhDiện tích một hình vuông nhỏ là: $\frac{8}{5}$ × $\frac{8}{5}$ = $\frac{64}{25}$ (dm2)Diện tích phần màu xanh là:$\frac{64}{25}$ × 2 = $\frac{126}{25 }$ (dm2)Số điền vào dấu ? là : $\frac{126}{25 }$- HS trình bày bài- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** |
| - Nhắc lại nội dung bài- Nhận xét giờ học- Nhắc HS về nhà có thể áp dụng tính bài tập 5- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------

­­­­­**CHỦ ĐỀ 12: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA PHÂN SỐ**

**Bài 64: PHÉP CHIA PHÂN SỐ (3 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Thực hiện được phép chia phân số bao gồm: phép chia phân số với phân số, chia với số tự nhiên cho phân số và phép chia phân số cho số tự nhiên.

- Giải được một số bài toán thực tế liên quan đến phép chia phân số.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm. Trao đổi trong các bài toán thực tế.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. PHÉP CHIA PHÂN SỐ**

**Ngày dạy: 18/4/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.- HS thực hiện bảng con các phân số $\frac{1}{3}$ × $\frac{2}{5}$ ; 4 × $\frac{3}{5}$ ; $\frac{1}{6}$ × 2 - Gọi HS nêu lại cách thực hiện- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời:$\frac{1}{3}$ × $\frac{2}{5}$ = $\frac{1 ×2}{3 ×5 }=\frac{2}{15}$ 4 × $\frac{3}{5}$ = $\frac{4 ×3}{5}$ = $\frac{12}{5}$ $\frac{1}{6}$ × 2 = $\frac{1 ×2}{6}$ = $\frac{2}{6}$ = $\frac{1}{3}$- HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:**- Mục tiêu: - Thực hiện được phép chia phân số bao gồm: phép chia phân số với phân số- Giải được một số bài toán thực tế liên quan đến phép chia phân số.- Cách tiến hành: |
| - GV giới thiệu tình huống Bạn Mai tay một tấm bìa nhẹ có diện tích $\frac{7}{19}$ m2 chiều rộng $\frac{2}{5}$ m và đố các bạn tìm được chiều dài của tấm bìa đó.+ Muốn tìm được chiều dài ta làm như thế nào?+ Thực hiện phép tính nào?- GV giới thiệu về phân số đảo ngược+ ví dụ $\frac{2}{3}$ đảo ngược được phân số $\frac{3}{2}$ ; $\frac{2}{5}$ => $\frac{5}{2}$ - GV hướng dẫn cách chia 2 phân số:$\frac{7}{19}$ : $\frac{2}{5}$ = $\frac{7}{19} ×$ $\frac{5}{2}$ = $\frac{35}{38}$- Gọi HS đọc lại cách chia 2 phân số trong SGKKết luận: *Muốn thực hiện chia hai phân số, ta lấy phân số thứ nhất nhân đảo ngược phân số thứ hai.*- GV nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe+ Muốn tìm chiều dài ta lấy diện tích chia cho chiều rộng.+ $\frac{7}{19}$ : $\frac{2}{5}$- HS lắng nghe, tiếp thu.- HS đọc lại cách chia 2 phân số trong SGK /91- HS học thuộc - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **3. Luyện tập:**- Mục tiêu: - Thực hiện được phép chia phân số bao gồm: phép chia phân số với phân số, chia với số tự nhiên cho phân số và phép chia phân số cho số tự nhiên.- Giải được một số bài toán thực tế liên quan đến phép chia phân số.- Cách tiến hành: |
| Bài 1: (Làm việc cá nhân) a) Viết các phân số đảo ngược của mỗi phân số sau: $\frac{5}{8} $; $\frac{3}{4}$ ; $\frac{1}{2}$b) Tính $\frac{3}{7}$ : $\frac{5}{8}$ ; $ \frac{8}{7}: \frac{3}{4}$ ; $\frac{1}{3}$: $\frac{1}{2}$- GV gọi HS nhận xét? Muốn thực hiện chia hai phân số ta làm như thê nào?- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 2: Tìm phân số thích hợp. (Nhóm 2)- GV cho HS làm theo nhóm. - GV mời các nhóm trình bày.- Mời các nhóm khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.Bài 3. Tìm phân số thích hợp. (Cá nhân) Một bức tranh hình chữ nhật có diện tích là $\frac{27}{2}$ dm2 và chiều rộng $\frac{10}{3}$ dm. Chiều dài của bức tranh là ?.. dm.- GV mời 1 HS nêu cách làm:- Cả lớp làm bài vào vở: - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.- GV nhận xét tuyên dương. | - HS làm việc cá nhân.Trả lời:a) $\frac{8}{5} $; $\frac{4}{3}$ ; $\frac{2}{1}$b) $\frac{3}{7}$ : $\frac{5}{8}$ = $\frac{3}{7}$ ×$ \frac{8}{ 5}= \frac{24}{35}$$\frac{8}{7}: \frac{3}{4}$ = $\frac{8}{7}×$ $\frac{4}{3}$ = $\frac{32}{21}$ $\frac{1}{3}$: $\frac{1}{2}$ = $\frac{1}{3}$ × $\frac{2}{1}$ = $\frac{2}{3}$- HS nhận xét.HS trả lời.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- HS làm việc nhóm 2- 1 HS trình bày cách làm: - HS nhận xét và đọc lại các phân số.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- HS làm việc theo yêu cầu.Bài giảiChiều dài của bức tranh là:$\frac{27}{2}: \frac{10}{3} $= $\frac{81}{20}$ (dm)Vậy phân số cần điền là $\frac{81}{20}$- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết số liền trước, số liều sau, đọc số, viết số...- Ví dụ: GV viết 4 phân số bất kì như: $\frac{3}{12} ;\frac{5}{20} ; \frac{16}{4} ;\frac{7}{21}$ và 4 phiếu. Mời 4 HS tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em rút gọn phân số.Ai đúng sẽ được tuyên dương.- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- 4 HS xung phong tham gia chơi. - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

---------------------------------------------

**TIẾT 2. UYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 19/4/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** |
| - GV tổ chức múa hát để khởi động bài học.- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia múa hát- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**- Mục tiêu: - Thực hiện được phép chia phân số bao gồm: phép chia phân số với phân số, chia với số tự nhiên cho phân số và phép chia phân số cho số tự nhiên.- Giải được một số bài toán thực tế liên quan đến phép chia phân số.- Cách tiến hành: |
| Bài 1. Tính rồi rút gọn (Cá nhân) HS nêu cách chia hai phân số và rút gọn phân số- GV HD HS làm miệng và kết hợp bảng con: a) $\frac{3}{5}$ : $\frac{3}{4}$ ; b) $\frac{2}{5} :\frac{3}{10}$ ; c) $\frac{1}{8} $: $\frac{1}{6}$ - GV nhận xét, tuyên dương.Bài 2: Tìm phân số thích hợp (theo mẫu) (N2) Mẫu: $\frac{3}{5}$ × ? = $\frac{4}{7}$$\frac{4}{7}$ : $\frac{3}{5}$ = $\frac{20}{21}$- GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào phiếu BT a) $\frac{2}{5}$ × ? = $\frac{3}{10} $ ; b) $\frac{1}{8}$ : ? = $\frac{1}{5}$- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, NX lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 3:Tính (Làm việc cá nhân) - GV cho HS làm theo nội dung yêu cầu.a) $\frac{1}{4}$ + $\frac{1}{12}) $:$ \frac{1}{3}$ ;b) $\frac{3}{5}$ : $\frac{2}{9}$ - $\frac{1}{10}$- GV mời HS trình bày.- Mời các nhóm khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.Bài 4. Người ta cắt một thanh sắt dài $\frac{3}{2}$ m thành các đoạn, mỗi đoạn dài $\frac{1}{8}$ m. Hỏi người ta cắt được bao nhiêu đoạn như vậy? (Cá nhân) - GV mời 1 HS nêu cách làm:- Cả lớp làm bài vào vở: - Gọi HS trình bày bài làm, HS nhận xét.- GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS nêu- HS lần lượt làm bảng con kết hợp đọc miệng các phép tínha) $\frac{3}{5}$ : $\frac{3}{4}$ = $\frac{3}{5}$ × $\frac{4}{3}$ = $\frac{12}{15}$ = $\frac{4}{5}$b) $\frac{2}{5} :\frac{3}{10}$ = $\frac{2}{5}$ × $\frac{10}{3}$ = $\frac{20}{15}$ = $\frac{4}{3}$c) $\frac{1}{8} $: $\frac{1}{6}$ =$ \frac{1}{8}$ × $\frac{6}{1}$ = $\frac{6}{8}$ = $\frac{3}{4}$- HS lắng nghe rút kinh nghiệm. - HS lắng nghe quan sát gv hướng dẫn mẫu- HS làm việc nhóma) $\frac{2}{5}$ × ? = $\frac{3}{10} $ $\frac{3}{10} $: $\frac{2}{5}$ = $\frac{15}{20}$ = $\frac{4}{5}$b) $\frac{1}{8}$ : ? = $\frac{1}{5}$$\frac{1}{8}$ : $\frac{1}{5}$ = $\frac{5}{8}$- HS đổi vở soát nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- HS làm việc theo yêu cầua) ( $\frac{1}{4}$ + $\frac{1}{12}) $:$ \frac{1}{3}$ = $\frac{4}{12}$ :$ \frac{1}{3}$ = $\frac{12}{12}$ = 1b) $\frac{3}{5}$ : $\frac{2}{9}$ - $\frac{1}{10}$ = $\frac{27}{10}$ - $\frac{1}{10}$ = $\frac{26}{10}$- Các HS khác trình bày.- Các nhóm khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- HS đọc đề bài- HS nêu cách làm- Lớp làm bài tập vào vởBài giảiNgười ta cắt được số đoạn là:$\frac{3}{2}$ : $\frac{1}{8}$ = 12 (đoạn)Đáp án: 12 đoạn- Trình bày bài làm- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** |
| - Nhắc lại nội dung bài- Nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TUẦN 32. TIẾT 3. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 22/4/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Nêu cách chia hai phân số+ Câu 2: $$\frac{2}{8}:\frac{3}{4}=$$+ Câu 3:$$\frac{3}{7}:\frac{5}{8}=$$+ Câu 4: $$\frac{2}{7}:\frac{4}{9}=$$- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời: Muốn chia hai phân số: ta nhân với phân số thứ hai đảo ngược+ $$\frac{2}{8}:\frac{3}{4}=\frac{2×4}{8×3}=\frac{8}{24}=\frac{1}{3}$$+ $$\frac{3}{7}:\frac{5}{8}=\frac{3×8}{7×5}=\frac{24}{35}$$+$$\frac{2}{7}:\frac{4}{9}=\frac{2×9}{7×4}=\frac{18}{28}=\frac{9}{14}$$- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**- Mục tiêu: + Thực hiện được phép chia phân số bao gồm phép chia phân số cho phân số phép chia số tự nhiên cho phân số phép chia phân số cho số tự nhiên.+ Giải được một số bài toán thực tế liên quan đến phép chia phân số..- Cách tiến hành: |
| Bài 1/93. Tính rồi rút gọn.? (Cá nhân) Nêu số và cách đọc số.- GV hướng dẫn học sinh làm miệng và kết hợp bảng con: a/$\frac{3}{8}:\frac{9}{4}=$c/$\frac{5}{8}:\frac{15}{8}=$b/$\frac{5}{21}:\frac{4}{7}=$- GV nhận xét, tuyên dương.Củng cố chốt cách chia phân số.Bài 2/93: Tính theo mẫu? (Làm việc nhóm 4) - GV gọi HS nêu bài mẫu Mẫu:$$2:\frac{3}{4}=\frac{2}{1}:\frac{3}{4}=\frac{2}{1}×\frac{4}{3}=\frac{8}{3}$$Ta có thể viết gọn như sau$$2:\frac{3}{4}=\frac{2 ×4}{3}=\frac{8}{3}$$Ta có thể viết gọn như sau$$\frac{3}{4}: 2=\frac{3}{4×2 }=\frac{3}{8}$$a/$ 3:\frac{9}{4}=$b/$ 4:\frac{1}{3}=$c/$ \frac{5}{7}:3=$- GV giảỉ thích cách trình bày theo mẫu rút ra cách :\* Chia số tự nhiên với phân số: Ta nhân số tự nhiên với mẫu số giữ làm tử số, giữ nguyên tử số chuyển thành mẫu số.\* Chia Phân số cho số tự nhiên ta giữ nguyên tử số và nhân số tự nhiên với mẫu số giữ làm mẫu số. - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở. - Đổi vở soát vở, NX lẫn nhau.- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 3: Vào một buổi chiều người ta đo được chiều dài cái bóng của ngọn tháp là $\frac{99}{4}m $. Biết chiều dài cái bóng của ngọn tháp gấp 2 lần chiều cao ngọn tháp. Tính chiều cao của ngọn tháp? (Làm việc nhóm 2 ) - GV cho HS làm theo nhóm.- GV mời các nhóm trình bày.- Mời các nhóm khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.Bài 4. Trò chơi Cặp tấm thẻ anh em? (Nhóm 4)GV chia lớp thành 4 đến 6 nhóm Giáo viên đưa các phiếu ghi các phân số cho các nhóm- HS đọc cách chơi theo sách giáo khoa trang 94 thực hiện chơi - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS nêu cách làm- HS lần lượt làm bảng con :a/$\frac{3}{8}:\frac{9}{4}=\frac{3×4}{8×9}=\frac{12}{72}=\frac{1}{6}$b/$\frac{5}{21}:\frac{4}{7}=\frac{5×7}{21×4}=\frac{35}{84}=\frac{5}{12}$c/$\frac{5}{8}:\frac{15}{8}=\frac{5×8}{8×15}=\frac{40}{120}=\frac{1}{3}$- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- 2,3 HS nối tiếp nêu bài mẫu :- HS lắng nghe- Học sinh nối tiếp nhắc lại cách làm.- Vận dụng làm bài tập vào vở.a/$ 3:\frac{9}{4}=\frac{3×4}{9}=\frac{12}{9}=\frac{4}{3}$b/$ 4:\frac{1}{3}=\frac{4×3}{1}=12$c/$ \frac{5}{7}:3=\frac{5}{7 ×3}=\frac{5}{21}$- HS đổi vở soát nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- Các nhóm làm việc theo phân công.- Các nhóm thảo luận cách tình và trình bày vào phiếu nhóm, vở.Bài giảiChiều cao của ngọn tháp là:$$ \frac{99}{4}:2=\frac{99}{8}(m)$$- Các nhóm khác nhận xét.$$Đáp số :\frac{99}{8}m$$- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- HS thực hiện chơi và đọc phân số theo cặp thẻ mình tìm được- HS bình chọn nhóm thắng với nhiều bạn chọn được cặp thẻ anh em nhất |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,... sau bài học để học sinh nhận biết chia phân số cho số tự nhiên và chia số tự nhiên cho phân số.- Nêu cách chia số tự nhiên cho phân số-Nêu cách chia phân số cho số tự nhiên- Nhận xét, tuyên dương.- Hướng dẫn chuẩn bị bài sau bài 65 trang 95 | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS nêu- HS trả lời. - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_